

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2023/HS -ST
Ngày: 25/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chuyển

Ông Vương Đình Quang

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 204/2023/TLST - HS ngày 26/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2023/QĐXXST – HS ngày 03/08/2023; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H** - Sinh năm: 1978; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: TDP số 1 M, M, N, Thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Hữu M và bà Đỗ Thị V; Bị cáo có vợ Vũ Thị T và 01 con.

Tiền án; tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 23/3/2011, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố H xử phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 90/2011/HSST. Ngày 16/6/2011, Tòa án nhân dân thành phố Thành phố H xử phúc thẩm phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 644/2011/HSPT. Ra trại ngày 19/4/2016.

- Ngày 13/8/2003, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp 600.000 đồng thu lợi bất chính. Ra

trại ngày 26/9/2004.

- Ngày 13/9/1995, Tòa án nhân dân thành phố Thành phố H xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản của công dân” (khi phạm tội dưới 18 tuổi).

- Ngày 20/01/1999, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố H xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Đã nộp án phí. Ra trại ngày 09/5/1999.

- Ngày 12/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, Thành phố H xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp án phí. Ra trại ngày 12/6/2008.

- Ngày 03/3/2006, UBND huyện T, Thành phố H quyết định xử lý hành chính bằng biện pháp “bắt buộc chữa bệnh”.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 28/12/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

2. Họ và tên: **Hoàng Minh Q**, Sinh năm: 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn T, xã X, V, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; Vợ con chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

3. Họ và tên: **Hoàng Việt H1**, Sinh năm: 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn L, xã P, V, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Duy T2 và bà Hoàng Thị H2; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

4. Họ và tên: **Lò Văn T3** - Sinh năm: 2001; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: Thôn L, xã P, V, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông Lò Văn T4 và bà Hà Thị D; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam

Số 1 - Công an thành phố H. (có mặt)

5. Họ và tên: **Khổng Văn T5**; Sinh năm: 1986; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn G, xã C, huyện S, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Khổng Kim N1 và bà Khổng Thị H3; bị cáo có vợ: Nguyễn Thị H4 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 29/11/2019, TAND huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc xử phạt 6 tháng tù treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 12 tháng. Miễn nộp tiền án phí.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 24/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

6. Họ và tên: **Hoàng Quốc H5**; Sinh năm: 2002; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: thôn A, xã Đ, huyện L, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Con ông Hoàng Văn M1 và bà Nguyễn Thị M2; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 24/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

7. Họ và tên: **Triệu Văn H6** - Sinh năm: 1994; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: K; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện L, Thành phố Y; Nghề nghiệp: Lao động tự do; **Học vấn: Không biết chữ**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông Triệu Văn T6 và bà Bàn Thị T7; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 24/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt H1, Hoàng Minh Q: Ông Tạ Văn P – Luật sư – Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T3: Bà Lê Thu H7 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H: Bà Lưu Kiều T8, sinh năm 1993, ông Nguyễn Thành V1, sinh năm 1960, bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1994- Luật sư

Công ty L2; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà A, B H, phường N, quận C, thành phố Thành phố H. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt H1: Ông Lê Anh N2, sinh năm 1979- Luật sư Công ty L3; Địa chỉ: Số E ngõ A, Pháo Đài L, Phường L, quận Đ, Thành phố H. (có mặt)

- Bị hại:

+ Chị Đặng Thị L – Sinh năm: 1987; HKTT: Thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở: Nhà A, tập thể Đại học sư phạm Thành phố H, phường D, quận C, Thành phố H. (có mặt).

+ Anh Phạm Quốc T9 – Sinh năm: 1977; HKTT: tổ dân phố V, phường N, thành phố V, tỉnh V; Nơi ở: Nhà A, tập thể Đại học sư phạm Thành phố H, phường D, quận C, Thành phố H. (có mặt).

+ Anh Triệu Văn H6 – Sinh năm: 1994; HKTT: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Thành phố Y. (có mặt).

+ Anh Khổng Văn T5 – Sinh năm: 1986; HKTT: Thôn G, xã C, huyện S, tỉnh V. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khu đất X2 thuộc phường M, N, Thành phố H là khu đất đã được giải phóng mặt bằng, xung quanh khu đất được bao quanh bằng hàng rào tôn màu xanh, có 02 cổng ra vào. Cổng thứ nhất hướng ra đường P, cổng thứ hai hướng ra khu đô thị M được anh Lê Văn T10 (sinh năm: 1979; HKTT: TDP số 1, phường P, quận N, Thành phố H) và anh Nguyễn Thanh Đ1 (sinh năm: 1980; HKTT: Tiểu khu F, thị trấn L, huyện L, Hòa Bình) tận dụng làm cổng bãi trông xe. Nguyễn Hữu H làm nghề lao động tự do, sinh sống trên địa bàn phường M, quận N, Thành phố H. Do có quen biết với anh T10 và anh Đ1 nên H thường hay đến đây. Bên trong khu đất, ngoài khu vực bãi trông xe của Đ1, T10 có xây dựng một lán tôn để làm chỗ ở cho nhân viên thì anh Phạm Quốc T9 (sinh năm: 1977, HKTT tại: TDP V, phường N, thành phố V, Vĩnh Phúc) và chị Đặng Thị L (Sinh năm: 1987; HKTT: Trung Hòa, Y, Hưng Yên - vợ anh T9) có đặt 02 container làm chỗ ăn ở của hai vợ chồng và người làm thuê cho anh T9 gồm Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5 và Triệu Văn H6. Vợ chồng anh T9, chị L sinh hoạt tại 01

container, T5, H5 và H6 sinh hoạt tại 01 container khác gần đó.

Khoảng 20 giờ ngày 13/11/2022, Hoàng Việt H1 cùng Hoàng Minh Q và Lò Văn T3 - đều là bạn xã hội của H1 hẹn nhau đến bãi trông xe ở khu đất X chơi. Sau đó, H, T3, Q, H1 cùng nhau ăn, nhậu tại lán trông xe. Còn Không Văn T5, Hoàng Quốc H5 và Triệu Văn H6 ngồi uống nước trong khu đô thị M, đối diện cổng bãi trông giữ xe. Khoảng hơn 21 giờ 00 cùng ngày, H5 đi qua chỗ nhóm của H nói chuyện điện thoại to tiếng ở khu vực cổng ra vào. H ngồi trong lán trông xe chửi vọng ra bảo T3 nhắc nhở H5. Khi được T3 nhắc nhở, H5 xin lỗi rồi đi về container. Khoảng 10 phút sau, T5 đi về qua chỗ nhóm H ngồi tiếp tục nói chuyện điện thoại to tiếng thì H ngồi bên trong lán trông xe chửi vọng ra rồi bảo T3 nhắc nhở T5. Khi T3 đi ra nhắc T5 thì T5 không nghe nên H và T5 xảy ra cãi chửi nhau. Thấy to tiếng, anh T9, H5 rủ H6 đi ra xem có việc gì, H6 đi cầm theo 01 con dao mục đích để phòng thân, nếu có xảy ra đánh nhau. Trong lúc hai bên cãi nhau, H dùng tay đánh vào mặt T5. Hai bên xảy ra xô xát nên anh T9 đứng ra can ngăn, anh T9 đẩy T5, H5, H6 đi về container còn H, H1, Q, T3 đi về lán trông xe tiếp tục ngồi ăn. Bực tức về việc bị H đánh vào mặt, T5 gọi H5 và H6 quay lại lán trông xe tìm H để đánh nhau. Trước khi đi ra lán trông xe của nhóm H thì H5, H6 mỗi người cầm 01 gậy sắt ở trước cửa container mang theo. Nhóm của T5 đứng bên ngoài chửi bới, thách thức nhóm của H. Thấy vậy, H tức giận cầm theo 01 cái xẻng dài khoảng 70 cm lao vào đánh nhau nhưng do nhóm của T5 đông người nên H quay về lán gọi điện thoại cho Nguyễn Hoài Đ2 (sinh năm: 1979; HKTT: N, phường M, quận N, Thành phố H), Nguyễn Hữu Q1 (sinh năm: 1998; HKTT tại: TDP số D, M, phường M, quận N, Thành phố H) và Đ1 thông báo về việc H đang bị đánh. Sau đó, H tiếp tục cầm xẻng rồi bảo “các cháu đi theo chú” thì H1, Q, T3 cầm theo gậy sắt cùng H lao vào đánh nhau. T3 cầm thanh sắt hộp vuông dài khoảng 1m, Q, H1 cầm tuýp sắt, còn T5, H5 và H6 mỗi người cầm 01 tuýp sắt, H cầm xẻng đuổi đánh H6, H6 cũng dùng tuýp sắt đánh lại. T5 và H5 cầm gạch ném về phía nhóm của H. Lúc này, H1, Q và T3 chạy ra chỗ H thì H6 bỏ chạy. Hiệu vừa chửi bới vừa cầm gạch ném về phía T3, Q, H1. Q, H1 cũng chửi bới và cầm gạch ném lại. Sau đó H quay ra đuổi đánh T5, H dùng xẻng đánh trúng vào mạn sườn bên trái của T5 khiến T5 bỏ chạy. H tiếp tục đuổi theo T5 rồi dùng xẻng đánh vào phần vai và lưng của T5. T5 tiếp tục bỏ chạy theo hướng ra cổng đường P thì H không đuổi theo T5 nữa.

Tiếp đó, H cùng H1, Q, T3 đuổi theo H5 và H6 chạy vào container. Cùng lúc này, Đ2 đến hỏi H bị ai đánh thì H chỉ về phía container có H5 và H6 đang trốn và nói “Bị tụi kia đánh”. Tiếp đó, H xông đến container của H5 và H6 rồi dùng xẻng đập cửa kính mục đích để lao vào trong đánh H5, H6. H1, Q, T3 không có ý định tiếp tục đánh nhau nữa nên đã vứt bỏ gậy đứng bên ngoài còn Đ2 thì bảo H từ từ để gọi H5, H6 ra xin lỗi. Do không vào được bên trong, Đ2, H1, Q, T3 bảo H đi về. Phát hiện thấy H5, H6 không giữ cửa bên trong nữa, H mở cửa lao vào trong để đánh H6, H5. H6 bảo H5 chạy đi thì H5 mở cửa sau bỏ chạy ra ngoài rồi trốn trên nóc container. Còn H dùng xẻng vụt đánh vào trướng vai và tay của H6. H1, Q, T3 can ngăn kéo H ra ngoài. H, Đ2, H1, Q, T3 đi bộ về lán trông xe.

Trên đường đi về do nghĩ rằng anh T9 là người đã bảo T5, H5, H6 quay lại đánh mình, H tiếp tục cầm xẻng đập phá cửa kính để đánh vợ chồng anh T9, chị L. H đi vào cầm xẻng chỉ về phía vợ chồng anh T9, chị L chửi bới. Lúc này điện trong phòng tắt, H dùng tay phải cầm xẻng vụt một cái theo chiều từ trái sang phải từ trên xuống dưới vào người anh T9 thì anh T9 giơ tay đỡ nên H vụt trúng cẳng tay trái của anh T9. Đ1 đẩy H ra thì H dừng lại một lát rồi tiếp tục lao vào dùng xẻng vụt ngang người anh T9 theo chiều từ phải sang trái, anh T9 dùng tay gạt ra thì bị thương ở ngón tay út bàn tay trái. H tiếp tục cầm xẻng vụt thì anh T9 giơ tay lên đỡ. Do chị L đứng gần ngay phía sau anh T9 nên bị xẻng của H vụt trúng vùng thái dương chị L. Đ1 can H rồi đẩy ra phía ngoài cửa. Sau đó, hai bên lờ qua tiếng lại nên H lại xông vào bên trong container dùng xẻng đánh theo chiều từ trên xuống dưới từ phải sang trái trúng vào vùng trán trái của anh T9, khiến anh T9 bị choáng. Sau đó, mọi người kéo H ra ngoài. H vứt xẻng tại bãi trông xe rồi được anh Nguyễn Hữu Q1 (sinh năm: 1998; HKTT tại: TDP số D, M, phường M, quận N, Thành phố H) đưa về nhà. Sau đó, các đối tượng được mời về trụ sở cơ quan công an để điều tra làm rõ. Ngày 28/12/2022, Nguyễn Hữu H cũng đến cơ quan Công an đầu thú.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 87cm; 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 73cm; 01 xẻng gấp bằng kim loại có tay cầm màu đen dài khoảng 73cm; 01 thanh kim loại hình trụ một đầu có gắn dao nhọn dài khoảng 86cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài khoảng 68cm; 01 dao nhọn có chuôi

gỗ dài 50cm; 01 dao nhọn có chuôi và vỏ bằng gỗ dài khoảng 62cm.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân phường M, N có văn bản số 2*** đề nghị xử lý nghiêm nhóm Nguyễn Hữu H và các đối tượng liên quan về hành vi gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích do hành vi của các đối tượng gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương.

- Kết luận giám định pháp y thương tích số 1*/GD-TTPY ngày 21/11/2022 của Trung tâm P kết luận thương tích của Triệu Văn H6:**

1. Vết thương vai phải sát nền cổ bên phải: 1%
2. Vết thương mặt sau cẳng tay phải: 1%
3. Các chạm thương phần mềm khác, không tổn thương xương, không ảnh hưởng chức năng: Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 không có chương mục nào quy định cho điểm tỷ lệ tổn hại sức khỏe đối với các chạm thương này.

4. Hiện chưa đánh giá được hết mức độ di chứng và biến chứng của các tổn thương. Đề nghị giám định bổ sung sau khi có căn cứ.

5. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày, vật có cạnh tương đối sắc gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 2% (Mười bảy phần trăm). Tính theo phương pháp cộng lùi.

- Kết luận giám định pháp y thương tích số 1*/GD-TTPY ngày 24/11/2022 của Trung tâm P kết luận thương tích của Khổng Văn T5:**

1. Vết thương, vết mổ, vết dẫn lưu vùng nách trước bên trái: 03%.
2. Vết thương mặt sau vai trái: 02%.
3. Vết thương mặt sau bả vai phải: 02%.
4. Tổn thương màng phổi trái: 05%.
5. Gãy mỏm cùng vai trái: 06%
6. Hiện chưa đánh giá được hết mức độ và di chứng của các tổn thương. Đề nghị giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định ra viện.

7. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật có cạnh sắc gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 17% (Mười bảy phần trăm). Tính theo phương pháp cộng lùi.

- Kết luận giám định pháp y thương tích số */GD-TTPY ngày 24/11/2022 của Trung tâm P kết luận thương tích của Phạm Quốc T9:**

1. Vỡ xương vùng trán trái: 08%

2. Gãy đốt 1 ngón V tay trái: 02%

3. Vết thương vùng trán trái: 06%.

4. Vết thương 1/3 giữa cẳng tay trái: 02%

5. Hiện chưa đánh giá được hết mức độ và di chứng của các tổn thương.

Đề nghị giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định ra viện.

6. Cơ chế hình thành thương tích: Các thương tích do vật tày, vật có cạnh sắc gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 17% (Mười bảy phần trăm). Tính theo phương pháp cộng lùi.

- Kết luận giám định pháp y thương tích số * ngày 20/6/2023 của Trung tâm P kết luận thương tích của Đặng Thị L:**

1. Vết thương vùng thái dương đỉnh phải: 01%

2. Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật có cạnh sắc gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 01% (Một phần trăm).

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 79/KLĐGTS ngày 05/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự quận N kết luận: 02 ô cửa kính bị vỡ, loại kính thường 2 lớp, kích thước 160x82 cm giá trị 500.000 đồng; 01 ô cửa kính bị vỡ, loại kính cường lực, kích thước 230x75 cm, giá trị 900.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu H, Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1, Lò Văn T3, Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5, Triệu Văn H6 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với việc anh Phạm Quốc T9 trình báo việc bị mất trộm tài sản sau khi bị H đánh gây thương tích, do chưa xác định được đối tượng trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, làm rõ.

Đối với hành vi hủy hoại ô cửa kính của Nguyễn Hữu H, do tổng trị giá tài sản là 1.400.000 đồng nên hành vi của H chưa đến mức phải xử lý trách nhiệm hình sự. Do đó, ngày 07/7/2023, Công an quận N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi hủy hoại tài sản, phạt tiền: 4.000.000 đồng.

Đối với thương tích của Triệu Văn H6 (dưới 11%), do H6 không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với các bị can về hành vi này

Về dân sự: Chị Đặng Thị L, Triệu Văn H6 không yêu cầu bồi thường dân sự.

Anh Phạm Quốc T9 yêu cầu bồi thường tổng số tiền 300.000.000 đồng. Bao gồm 40.000.000 đồng tiền viện phí, tiền thuốc điều trị (tiền điều trị tại bệnh viện 19/8 hết khoảng 20.000.000 đồng (bao gồm tiền chụp chiếu, tiền xét nghiệm, tiền thuốc...), điều trị tại bệnh viện A Vĩnh Phúc hết khoảng 10.000.000 đồng và tiền thuốc điều trị sau khi nằm viện hết khoảng 10.000.000 đồng); 80.000.000 đồng là số tiền mà anh T9 làm ra được trong thời gian 4 tháng từ khi xảy ra sự việc, còn lại 180.000.000 đồng là chi phí bồi dưỡng sức khỏe, tinh thần và những di chứng ảnh hưởng. Do gia đình H đã bồi thường 20.000.000 đồng nên anh T9 yêu cầu H phải bồi thường 280.000.000 đồng còn lại (Anh T9 đã làm thất lạc hóa đơn viện phí, hóa đơn mua thuốc bên ngoài).

Khổng Văn T5 yêu cầu H, T3, Q, H1 bồi thường tổng số tiền 200.000.000 đồng. Bao gồm tiền viện phí là 50.000.000 đồng, tiền lương trong 4 tháng T5 không đi làm được là 50.000.000 đồng (anh T9 dự định trả cho T5 9.000.000 đồng/tháng), tiền mổ tháo đinh ở vai và bồi dưỡng sức khỏe sau này là 100.000.000 đồng. Gia đình H đã bồi thường 50.000.000 đồng nên T5 yêu cầu nhóm của H còn phải bồi thường 150.000.000 đồng (T5 cung cấp hóa đơn thuốc là 2.995.440 đồng).

Tại cơ quan điều tra các bị can khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nhân chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 195/CT-VKSNTL ngày 24/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Thành phố H đã truy tố bị cáo: Nguyễn Hữu H đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1 và Lò Văn T3 đã phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5 và Triệu Văn H6 đã phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Bị cáo Nguyễn Hữu H

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d khoản 1 Điều 52 BLHS)

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; (điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đề xuất:

+ Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 điều 51; điểm d khoản 1 điều 52 BLHS; Điều 38 BLHS

Đề nghị mức án: **05 - 06 năm tù**

2. Bị cáo Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1, Lò Văn Tài

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội có tính chất côn đồ (điểm d khoản 1 Điều 52 BLHS)

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đầu thú; Gia đình là người có công với cách mạng; Bị can là đối tượng thuộc diện vùng Dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn (đối với bị can Q) - (điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS)

Đề xuất:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm d khoản 1 điều 52 BLHS; Điều 38, Điều 54 BLHS

Đề nghị mức án: **Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1 và Lò Văn T3**

Mỗi bị cáo từ: 18 - 21 tháng tù

3. Bị cáo Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5, Triệu Văn H6

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu (đối với H5, H6) (điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS)

Đề xuất:

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 BLHS

Đề nghị mức án: **Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5, Triệu Văn H6**

Mỗi bị cáo từ: 24 - 30 tháng tù

Vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 87cm; 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 73cm; 01 xẻng gấp bằng kim loại có tay cầm màu đen dài khoảng 73cm; 01 thanh kim loại hình trụ một đầu có gắn dao nhọn dài khoảng 86cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài khoảng 68cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài 50cm; 01 dao nhọn có chuôi và vỏ bằng gỗ dài khoảng 62cm.

Về dân sự: Căn cứ điều 584, điều 585, Điều 586, điều 587, điều 590 BLHS.

- Đối với Khổng Văn T5: Tiến điều trị tại bệnh viện A1 từ ngày 13/11/2022 đến ngày 23/11/2022 với chi phí điều trị 18.416.106 đồng. T5 yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

Buộc H, Q, H1, T3 phải liên đới bồi thường cho anh T5 số tiền từ 90.000.000 đồng - 100.000.000 đồng (được trừ số tiền các bị cáo đã bồi thường cho anh T5).

- Đối với anh Phạm Quốc T9: anh T9 điều trị tại bệnh viện A1 từ 13/11/2022 đến 16/11/2022 với chi phí 2.391.582 đồng. Điều trị tại bệnh viện A từ ngày 22/11/2022 đến ngày 24/11/2022 với chi phí 1.306.600 đồng. Tổng chi phí điều trị 3.698.182 đồng. Anh T9 yêu cầu bồi thường số tiền 300.000.000 đồng.

Buộc H phải bồi thường cho anh T9 số tiền từ 75.000.000 đồng - 85.000.000 đồng (được trừ số tiền 20.000.000 đồng H đã bồi thường trước đó).

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1, Lò Văn T3, Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5, Triệu Văn H6 khai nhận hành vi của mình, thành khẩn khai nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H là đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng tình tiết đầu thú; Gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo đã bồi thường; Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ông Lê Anh N2 người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt H1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù.

Ông Tạ Văn P người bào chữa cho bị cáo Hoàng Việt H1, Hoàng Minh Q đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung nếu trường hợp không áp dụng tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ thì áp dụng Điều 65 cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T3: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất; Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng các tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 13/11/2022, do mâu thuẫn giữa Nguyễn Hữu H và Khổng Văn T5 nên Nguyễn Hữu H cầm xẻng rử Hoàng Việt H1, Hoàng Minh Q và Lò Văn T3 cầm gậy sắt để đánh nhau với nhóm của Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5 và Triệu Văn H6 cũng cầm theo gậy sắt. Trong quá trình hai bên xô xát, H dùng xẻng đánh gây thương tích cho Khổng Văn T5 với tỷ lệ tổn hại sức khỏe 17%. Sau đó hai nhóm tiếp tục chửi bới, cầm gậy sắt đánh nhau, cầm gạch ném nhau. Khi cả nhóm đi về lán vì cho rằng anh Phạm Quốc T9 bảo nhóm của T5 đánh mình nên H một mình cầm xẻng xông vào container

của anh T9, chị L rồi dùng xẻng đánh gây thương tích cho anh T9 với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 17% và chị Đặng Thị L với tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 01%. Sự việc xảy ra gây mất an ninh trật tự tại khu dân cư.

- Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Hữu H đã phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1 và Lò Văn T3 đã phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi nêu trên của các bị cáo Không Văn T5, Hoàng Quốc H5 và Triệu Văn H6 đã phạm tội: “*Gây rối trật tự công cộng*”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, do đó đối với các bị cáo cần phải lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, H1, Q, T3, T5, H5, H6 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Đầu thú, gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Đầu thú, Gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Đầu thú, Gia đình có công với cách mạng theo, bị cáo là đối tượng thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Đã bồi thường khắc phục hậu quả; Đầu thú, bị cáo là đối tượng thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi có

điều kiện kinh tế khó khăn theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo H, H1, Q, T3 phải chịu tình tiết tăng nặng: Phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586; Điều 587, Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Anh Không Văn T5 nhập viện điều trị tại bệnh viện 19/8 - BCA từ ngày 13/11/2022 đến ngày 23/11/2022 chi phí điều trị 18.416.106 đồng.

Anh Phạm Quốc T9 nhập viện điều trị tại bệnh viện 19/8 - BCA từ ngày 13/11/2022 đến ngày 16/11/2022 chi phí điều trị 2.391.582 đồng.

Anh Phạm Quốc T9 nhập viện điều trị tại bệnh viện A từ ngày 22/11/2022 đến ngày 24/11/2022 là 1.306.6000 đồng.

Anh T9 yêu cầu bị cáo H bồi thường tổng số tiền 300.000.000 đồng, H đã bồi thường cho anh T9 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử buộc bị cáo H phải bồi thường cho anh T9 số tiền điều trị tại bệnh viện 3.698.182 đồng và bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 40 lần mức lương cơ sở ($40 \times 1.800.000 \text{ đ} = 72.000.000 \text{ đồng}$). Tổng 75.698.182 đồng trừ số tiền bị cáo đã bồi thường cho anh T9 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo H còn phải bồi thường cho anh T9 55.698.182 đồng

Buộc các bị cáo: H, T3, Q, H1 phải bồi thường cho anh Không Văn T5 chi phí điều trị 18.416.106 đồng và bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần 40 lần mức lương cơ sở ($40 \times 1.800.000 \text{ đ} = 72.000.000 \text{ đồng}$). Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh T5 là 90.416.106 đồng. Bị cáo H đã bồi thường cho anh T5 50.000.000 đồng, bị cáo H1 và Q đã khắc phục 8.000.000 đồng, bị cáo T3 khắc phục 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H tự nguyện bồi thường cho anh T5 số tiền 50.000.000 và không yêu cầu các bị cáo khác phải thanh toán cho H số tiền trên. Các bị cáo T3, Q, H1 còn phải bồi thường cho anh T5 là $40.416.106 : 3 = 13.472.035$ đồng trừ đi số tiền các bị cáo đã khắc phục các bị cáo T3 còn phải bồi thường là 9.472.035 đồng, bị cáo H1 còn phải bồi thường là 5.472.035 đồng, bị cáo Q còn phải bồi thường là 5.472.035 đồng.

[3] Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 87cm; 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 73cm; 01 xẻng gấp bằng kim loại có tay cầm màu đen dài khoảng 73cm; 01 thanh kim loại hình

trụ một đầu có gắn dao nhọn dài khoảng 86cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài khoảng 68cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài 50cm; 01 dao nhọn có chuôi và vỏ bằng gỗ dài khoảng 62cm.

[4] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[5] Về kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Hữu H, Hoàng Minh Q, Hoàng Việt H1, Lò Văn T3 phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Tuyên bố các bị cáo: Khổng Văn T5, Hoàng Quốc H5, Triệu Văn H6 phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”

+ Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu H 5 năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 28/12/2022.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Q 02 (hai) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 15/11/2022.

Xử phạt bị cáo Hoàng Việt H1 02 (hai) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 15/11/2022.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T3 02 (hai) năm tù thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 15/11/2022.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo:

Xử phạt bị cáo Khổng Văn T5 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2023.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc H5 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2023

Xử phạt bị cáo Triệu Văn H6 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2023

2. Về dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải bồi thường cho anh Phạm Quốc T9 tổng số tiền 75.698.182 đồng trừ số tiền đã bồi thường, bị cáo H phải bồi thường cho anh T9 55.698.182 đồng.

Buộc các bị cáo: H, T3, Q, H1 phải bồi thường cho anh Khổng Văn T5 tổng số tiền là 90.416.106 đồng. Bị cáo H đã bồi thường cho anh T5 50.000.000 đồng. Các bị cáo T3, Q, H1 còn phải bồi thường cho anh T5 là 40.416.106 đồng chia 3 = 13.472.035 đồng trừ đi số tiền các bị cáo đã khắc phục các bị cáo T3 còn phải bồi thường là 9.472.035 đồng, bị cáo H1 còn phải bồi thường là 5.472.035 đồng, bị cáo Q còn phải bồi thường là 5.472.035 đồng (số tiền các bị cáo đã khắc phục tại các biên lai số: AA/2020/0025*** ngày 09/08/2023; số: AA/2020/0025*** ngày 09/08/2023; số: AA/2020/0025*** ngày 14/08/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Nam Từ Liêm).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 87cm; 01 thanh kim loại hình hộp có chiều dài khoảng 73cm; 01 xẻng gấp bằng kim loại có tay cầm màu đen dài khoảng 73cm; 01 thanh kim loại hình trụ một đầu có gắn dao nhọn dài khoảng 86cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài khoảng 68cm; 01 dao nhọn có chuôi gỗ dài 50cm; 01 dao nhọn có chuôi và vỏ bằng gỗ dài khoảng 62cm.

(Tình trạng các vật chứng trên như Biên bản giao nhận vật chứng số 238 ngày 01/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm và Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải nộp 200.000

(Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- CCTHADS Q. Nam Từ Liêm;
- Bị cáo; Bị hại
- Người bào chữa
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhâm